

Số: 14/2025/NQ-HĐND

Cần Thơ, ngày 10 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu và
nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã
trên địa bàn thành phố Cần Thơ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Xét Tờ trình số 375/TTr-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố dự thảo Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc, tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác lập, phân bổ, chấp hành dự toán, quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước.

Điều 2. Phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) các khoản thu giữa ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã

1. Các khoản thu ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã được hưởng 100% được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Phân cấp nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã

Phân cấp nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp thành phố và ngân sách cấp xã được quy định theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Hội đồng nhân dân giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp trên địa bàn thành phố Cần Thơ hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025. /

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB và QLXLVPHC);
- Bộ Tài chính;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Cần Thơ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm điều hành đô thị thông minh;
- TT. Lưu trữ lịch sử thành phố;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Đồng Văn Thanh

Phụ lục I
DANH MỤC CÁC KHOẢN THU NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ VÀ
NGÂN SÁCH CẤP XÃ ĐƯỢC HƯỞNG 100%

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân thành phố)

Số thứ tự	Các khoản thu	Cấp ngân sách	
		Thành phố	Xã
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>1</i>	<i>2</i>
1	Thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, tiêu thụ đặc biệt và tài nguyên kể cả tiền chậm nộp (trừ các khoản thu từ hàng hóa nhập khẩu, hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí và thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu) thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước, thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.	x	
2	Thuế bảo vệ môi trường kể cả tiền chậm nộp (phần ngân sách địa phương được hưởng).	x	
3	Thu tiền cho thuê mặt nước; tiền sử dụng khu vực biển.	x	
4	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.	x	
5	Thu từ hoạt động xổ số (kể cả tiền chậm nộp).	x	
6	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; cổ tức được chia bằng tiền, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân thành phố là cơ quan đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân thành phố đại diện chủ sở hữu.	x	
7	Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý, xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (điều tiết theo phân cấp quản lý).	x	x
8	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân nước ngoài trực tiếp cho chính quyền địa phương.	x	x
9	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện. Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ công do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật (điều tiết theo phân cấp quản lý).	x	x
10	Lệ phí do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện thu (trừ lệ phí trước bạ).	x	x
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước phân ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật bao gồm tiền chậm nộp.	x	
12	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện theo phân cấp quản lý.	x	x
13	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật. (cấp nào xử lý cấp đó hưởng).	x	x
14	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác.		x
15	Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.	x	x

Số thứ tự	Các khoản thu	Cấp ngân sách	
		Thành phố	Xã
16	Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.	x	
17	Thu từ Quỹ dự trữ tài chính địa phương.	x	
18	Thu kết dư ngân sách địa phương.	x	x
19	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên.	x	x
20	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang.	x	x
21	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên.	x	
22	Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật (bao gồm tiền chậm nộp phần ngân sách địa phương được hưởng nhưng không được hạch toán riêng theo từng khoản thu).	x	x

* **Ghi chú:** Ô có dấu "x" là phân cấp nguồn thu được hưởng, ô trống là không phân cấp.

Phụ lục II
DANH MỤC CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA THEO TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%)
GIỮA NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân thành phố)

STT	Các khoản thu (kể cả tiền chậm nộp)	Tỷ lệ phần trăm (%)	
		Cấp Thành phố	Cấp Xã
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>1</i>	<i>2</i>
1	Thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, tiêu thụ đặc biệt và tài nguyên (trừ các khoản thu từ hàng hóa nhập khẩu, hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí và thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu), thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh		
1.1	Do cơ quan thuế cấp thành phố quản lý thu	100	
1.2	Do cơ quan thuế cấp xã quản lý thu		
1.2.1	Thu từ tổ chức	100	
1.2.2	Thu từ hộ kinh doanh		100
2	Thuế thu nhập cá nhân		
2.1	Do cơ quan thuế cấp thành phố quản lý thu	100	
2.2	Do cơ quan thuế cấp xã quản lý thu		100
3	Thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trừ thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công (phần ngân sách địa phương được hưởng)	100	
4	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		100
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		100
6	Lệ phí trước bạ		100



Phụ lục III

PHÂN CẤP NHIỆM VỤ CHI GIỮA NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân thành phố)

I. NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ

1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do cấp thành phố quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công và thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương cho các dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng trên địa bàn thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp trên trực tiếp; hỗ trợ địa phương khác đầu tư xây dựng dự án, công trình trọng điểm, liên kết vùng, liên kết quốc gia, liên kết quốc tế, có sức lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội và nhiệm vụ quan trọng khác.

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của địa phương theo quy định pháp luật.

c) Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

d) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định pháp luật.

2. Chi thường xuyên:

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề.

b) Sự nghiệp khoa học và công nghệ; đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

c) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội giao cấp thành phố quản lý, hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách trung ương.

d) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Chi công tác phòng bệnh, công tác chữa bệnh (kể cả các Trung tâm y tế khu vực); công tác chăm sóc bảo vệ sức khỏe cán bộ; chi cho công tác điều dưỡng và phục hồi chức năng và các hoạt động y tế khác thuộc cấp thành phố quản lý; kinh phí thực hiện nhiệm vụ dân số; kinh phí mua bảo hiểm y tế cho các đối tượng được ngân sách nhà nước đóng, hỗ trợ đóng theo quy định; các nhiệm vụ y tế khác do thành phố quản lý; công tác gia đình.

đ) Sự nghiệp văn hóa, thông tin (bao gồm cả chi cho ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý Nhà nước, xây dựng chính quyền điện tử, hướng đến chính

phủ sổ, chính quyền sổ); phát thanh truyền hình; thể dục, thể thao do các cơ quan cấp thành phố quản lý.

e) Sự nghiệp bảo vệ môi trường.

g) Các hoạt động kinh tế do các cơ quan cấp thành phố quản lý gồm:

Lĩnh vực giao thông, bao gồm hoạt động quản lý, bảo trì, sửa chữa, bảo đảm hoạt động, an toàn giao thông đường bộ, đường thủy nội địa và hoạt động giao thông khác;

Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn, bao gồm hoạt động phát triển nông, lâm, thủy sản, thủy lợi; xây dựng nông thôn mới và hoạt động phát triển nông thôn khác;

Lĩnh vực tài nguyên, bao gồm hoạt động điều tra, quản lý đất đai, tài nguyên; đo đạc và bản đồ, đo đạc địa giới hành chính; lưu trữ hồ sơ địa chính và hoạt động quản lý tài nguyên khác;

Lĩnh vực kiến thiết thị chính: Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên và các hoạt động thị chính khác;

Lĩnh vực quy hoạch;

Các hoạt động kinh tế khác.

h) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc, hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định pháp luật gồm:

Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước;

Chi hoạt động của tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam ở cấp thành phố;

Chi hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc;

Chi hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật.

i) Chi bảo đảm xã hội do cấp thành phố quản lý gồm: chi hoạt động các cơ sở trợ giúp xã hội, cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng các đối tượng chính sách theo quy định, tìm kiếm cứu nạn, cứu đói, thiên tai, phòng chống các tệ nạn xã hội và các chính sách an sinh xã hội khác theo phân cấp; thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do cấp thành phố bảo đảm theo quy định pháp luật.

k) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.

3. Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay.

4. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính.

5. Chi viện trợ theo quy định của Chính phủ.
6. Chi cho vay theo quy định của Chính phủ.
7. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp thành phố từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau.
8. Chi bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.
9. Chi chương trình mục tiêu quốc gia do Chính phủ giao cho địa phương quản lý.
10. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 và thực hiện các nhiệm vụ tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

II. NHIỆM VỤ CHI CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ

1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản: Thực hiện theo quy định hiện hành về phân cấp quyết định đầu tư.

2. Chi thường xuyên

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo.

b) Sự nghiệp khoa học và công nghệ; đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

c) Sự nghiệp văn hóa thông tin; phát thanh; thể dục, thể thao.

d) Chi quốc phòng - an ninh:

Huấn luyện dân quân tự vệ;

Đăng ký nghĩa vụ quân sự, đưa thanh niên đi làm nghĩa vụ quân sự;

Giáo dục, tuyên truyền phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc;

Hoạt động bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Chi hỗ trợ cho lực lượng Dân quân tự vệ theo quy định của Luật Dân quân tự vệ;

Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

đ) Sự nghiệp y tế: Kinh phí hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, cho người thuộc hộ gia đình cận nghèo, học sinh, sinh viên, người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp có mức sống trung bình và các đối tượng khác theo phân cấp; thực hiện các nhiệm vụ y tế khác do xã, phường quản lý; công tác dân số và gia đình.

e) Các hoạt động kinh tế gồm:

Lĩnh vực giao thông;

Lĩnh vực nông nghiệp;

Lĩnh vực thủy lợi;

Lĩnh vực kiến thiết thị chính;

Các hoạt động kinh tế khác.

h) Sự nghiệp bảo vệ môi trường.

i) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc, hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định pháp luật gồm:

Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước;

Chi hoạt động của tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam ở cấp xã;

Chi hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc;

Chi hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật.

k) Chi bảo đảm xã hội.

l) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định pháp luật.

3. Chi chương trình mục tiêu quốc gia do cấp trên giao.

4. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp xã năm trước sang năm sau.

5. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại các điểm a, b và c khoản 5 Điều 9 và thực hiện các nhiệm vụ tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15./.